THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1371/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch tỉnh).

Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, mốc thời gian cụ thể, lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

Phân kỳ đầu tư, xác định cụ thể thời gian, tiến độ và huy động các nguồn lực cụ thể thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên; xây dựng, ban hành kịp thời các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện Quy hoạch tỉnh.

Cụ thể hóa các giải pháp thực hiện Quy hoạch tỉnh. Thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch có liên quan, các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch chuyên ngành kỹ thuật, quy hoạch vùng đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án; không phát sinh nội dung mới so với Quy hoạch đã được phê duyệt.

Quán triệt các quan điểm, mục tiêu phát triển và các đột phá, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các phương án phát triển ngành, lĩnh vực theo

từng giai đoạn cụ thể. Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bối cảnh hội nhập quốc tế và điều kiện thực tiễn của tỉnh Lạng Sơn.

Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm các ngành, các cấp trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Dự án đầu tư công

Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư, tiếp tục rà soát, cập nhật các dự án đang triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025 và bảo đảm tính khả thi trong giai đoạn 2026 - 2030 trong lĩnh vực giao thông kết nối vùng, liên vùng, liên huyện, có vai trò quan trọng về phát triển đô thị, phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của địa phương; đặc biệt là các tuyến đường tạo ra không gian phát triển mới, tăng cường khả năng kết nối với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc như Bắc Giang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn và tỉnh Quảng Ninh. Mở mới, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, các nút giao kết nối với tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn và tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu; hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các tiêu chí của Công viên địa chất toàn cầu, Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, các khu, điểm du lịch của tỉnh; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt Bắc Sơn và Chi Lăng, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng các cấp; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi đầu tư và chi thường xuyên; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội công lập; cơ sở cai nghiện; các công trình, dự án cấp thoát nước; công trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt...

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn ngoài vốn đầu tư công

Giai đoạn 2021 - 2030 tập trung ưu tiên thu hút dự án đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực công nghiệp: Ưu tiên thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình; các cụm công nghiệp được bố trí tại các vị trí kết nối thuận tiện với các tuyến hành lang kinh tế dọc theo cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Quốc lộ 4A và cao tốc Đồng Đăng- Trà Lĩnh nối Lạng Sơn với Cao Bằng, Quốc lộ 4B nối Lạng Sơn với Quảng Ninh; các dự án phát triển ngành sản xuất và chế biến, tập trung chế biến nông lâm sản quy mô lớn, cơ sở chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch; các dự án phát triển ngành năng lượng tái tạo, phát triển các khâu trong chuỗi cung ứng ngành điện gió; các ngành công nghiệp phụ trợ, điện tử, tái chế và sản xuất hàng hoá xuất khẩu;

- Lĩnh vực dịch vụ: Ưu tiên thu hút các dự án thương mại và dịch vụ kinh tế cửa khẩu; du lịch; dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics; dịch vụ giáo dục, y tế theo hướng chất lượng cao, văn minh, hiện đại. Đặc biệt là các dự án phát triển sản phẩm du lịch đặc thù và xây dựng thương hiệu cho du lịch Lạng Sơn, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với hệ thống hạ tầng đồng bộ, sản phẩm đa dạng, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Hoàn thành đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn.

- Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ưu tiên thu hút các dự án thúc đẩy phát triển một số chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, đặc hữu, chất lượng cao theo chuỗi giá trị; các dự án phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao kết hợp với chăn nuôi truyền thống; các dự án đầu tư khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao; các dự án góp phần nâng cao chất lượng rừng trồng, dự án phát triển trồng rừng gỗ lớn, dược liệu dưới tán rừng.

- Đối với Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh: Tập trung thu hút và mở rộng các dự án phát triển các kho bãi có sức chứa lớn, đa dạng về công năng tùy theo đặc tính thương phẩm và quy trình lưu thông của hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu. Tập trung hoàn thành đầu tư thí điểm và vận hành cửa khẩu thông minh.

(Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục I kèm theo)

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lạng Sơn 5 năm 2021 - 2025

Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2026 - 2030

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia; quy hoạch vùng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của cả nước; Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

Dành quỹ đất hợp lý ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung; các khu đô thị, khu dân cư. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng gắn với quá trình hình thành khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ, logistics và mở rộng khu dân cư đô thị, nông thôn.

Đảm bảo bố trí đủ quỹ đất cho các mục đích văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các cơ sở xã hội hóa... nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Bảo vệ và phát triển diện tích rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng tự nhiên bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng để bảo vệ môi trường và hướng tới bán tín chỉ các bon rừng tăng thu nhập cho người dân, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

Khai thác sử dụng đất phải coi trọng công tác an ninh quốc phòng; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất ổn định và bền vững, phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và cả vùng.

4. Nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 8 - 9%/năm, tỉnh Lạng Sơn cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 340.000 tỷ đồng, cụ thể:

Giai đoạn / Tổng nguồn vốn	2021 - 2025	2026 - 2030
	Khoảng 117.500 tỷ đồng	Khoảng 222.500 tỷ đồng
1. Vốn đầu tư từ khu vực kinh tế nhà nước	Khoảng 20% tương đương 23.500 tỷ đồng	Khoảng 20% tương đương 44.500 tỷ đồng
2. Vốn đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước	Khoảng 80% tương đương 94.000 tỷ đồng	Khoảng 80% tương đương 178.000 tỷ đồng

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

Thường xuyên rà soát các nội dung thông tin, dữ liệu, tài liệu chưa chính xác, chưa phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kịp thời báo cáo về chủ trương tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đã được phê duyệt. Bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh theo điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

Chủ động nghiên cứu xây dựng các Kế hoạch/chương trình/đề án phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và tạo động lực cho các thành phần kinh tế phát triển.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế -xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để tập trung phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện liên kết phát triển giữa các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc. Thỏa thuận, thực hiện các ghi nhớ hợp tác với các tỉnh trong vùng, tập trung đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng đảm bảo kết nối liên vùng; liên kết phát triển du lịch, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản... phát huy thế mạnh của các tỉnh.

Xác định đề án trọng tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng. Trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh; xây dựng, hoàn thiện các đề án mở chính thức, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối thông quan/đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa, nâng cấp cửa khẩu song phương, cửa khẩu quốc tế trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, hợp tác với phía Trung Quốc triển khai thực hiện mô hình "Cửa khẩu kiểu mẫu" tại cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc).

(Chi tiết danh mục chương trình, đề án, cơ chế, chính sách phát triển, liên kết vùng tại Phụ lục II kèm theo)

3. Thu hút đầu tư phát triển

Nghiên cứu, triển khai chương trình hỗ trợ nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân, trong đó hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư tiềm năng, mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương. Tăng cường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền. Xây dựng, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho đầu tư, đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; nhanh chóng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm thực hiện xúc tiến và hỗ trợ đầu tư chuyên nghiệp, thu hút nguồn lực ngoài ngân sách để phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh để thu hút đầu tư. Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc đối với các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu; rà soát, thu hồi, chấm dứt đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

Tiếp tục tăng cường hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư cả trong và ngoài nước. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin kinh tế - xã hội, quy hoạch, định hướng thu hút đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư của tỉnh cho các

nhà đầu tư. Đồng thời, chủ động bám sát nhu cầu và thực tế, đúng trọng tâm hướng vào thị trường và sản phẩm cụ thể. Tăng cường mối quan hệ, phối hợp có hiệu quả với các bộ, ngành trung ương, đại sứ quán, lãnh sự quán, thương vụ, đại diện đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm trao đổi thông tin, quảng bá tiềm năng, lợi thế của tỉnh, mời gọi đầu tư các dự án vào tỉnh.

4. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển và cung ứng nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện thành công các khâu đột phá phát triển của tỉnh, nhất là nhân lực trong các lĩnh vực chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Củng cố, nâng cao chất lượng đào tạo trong hệ thống giáo dục; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục.

Khuyến khích cán bộ, công chức tự học để nâng cao trình độ; rà soát các chính sách tuyển dụng, ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành quan trọng của tỉnh; tiếp tục triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài, chú trọng đội ngũ sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi trong và ngoài nước để tạo nguồn cán bộ lâu dài. Mở rộng quan hệ đối tác với doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức đào tạo để rút ngắn khoảng cách giữa kỹ năng của lực lượng lao động và yêu cầu của người sử dụng lao động; đổi mới phát triển nguồn nhân lực bằng các nền tảng đào tạo ứng dụng kỹ thuật số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo giáo dục nghề nghiệp, phấn đấu một số nghề tiếp cận trình độ cấp quốc gia.

Thúc đẩy đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao, có các kỹ năng đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài.

5. Phát triển khoa học và công nghệ

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ đồng bộ trong các lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đổi mới cơ chế tài chính cho các hoạt động khoa học công nghệ tại địa phương. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm. Thúc đẩy, hỗ trợ hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên.

Phấn đấu chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ đạt 1,5% - 2% đến năm 2030 và những năm tiếp theo để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

6. Bảo đảm an sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ các chính sách bảo đảm an sinh xã hội đối với người dân theo quy định của pháp luật; tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực, địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, giảm dần khoảng cách mức sống giữa nông thôn và thành thị, đảm bảo phát triển hài hòa, toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm ổn định an ninh, quốc phòng.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn/đặc biệt khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thực hiện tốt các chính sách như đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo trong tỉnh để ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các quy định của pháp luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam. Quản lý hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho giới chức và tín đồ có hoạt động tôn giáo bình thường và đảm bảo đúng với quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và trong tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, khai thác

và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

7. Bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, vùng miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường và nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế, đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường của toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng công tác thanh, kiểm tra, bố trí đủ lực lượng cán bộ có trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

Xây dựng quy chế, chế tài quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp.

Khai thác hợp lý và sử dụng, quản lý có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái và chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

Trên cơ sở Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước, tổ chức rà soát quy hoạch định kỳ để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

8. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nguồn lực từ khu vực kinh tế nhà nước

Tập trung huy động tổng hợp các nguồn lực cho đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và trung ương, các nguồn vốn vay, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng của tỉnh; không đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ.

Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, quốc phòng, an ninh... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển của Bộ, ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn cho đầu tư phát triển.

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu đã đề ra, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp huy động tối đa nguồn thu, phấn đấu tăng thu ngân sách để đảm bảo nguồn lực cho đầu tư phát triển. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai, sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật.

Tăng cường công tác quản lý giá, thị trường đất đai, bất động sản; tập trung hoàn thiện các thủ tục để tổ chức đấu giá các khu đất, tài sản gắn liền với đất để tạo nguồn thu cho đầu tư phát triển; thực hiện giao đất, thu tiền sử dụng đất khu đô thị, khu dân cư đảm bảo mục tiêu thu nội địa hằng năm; qua đó phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nguồn lực từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước

Ưu tiên nguồn lực thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông lâm sản, phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu… Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tập trung triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng

tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, trong đó chú trọng phát triển kinh tế tư nhân coi đây là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; quản lý, sử dụng, bảo vệ tốt đất quốc phòng, công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, cải tạo, mở mới hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới nhằm phục vụ quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội và giao thương hàng hóa ở khu vực biên giới. Hoàn thành hệ thống mạng lưới giao thông đường tuần tra biên giới khép kín trên địa bàn tỉnh. Tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế và hợp tác với các địa phương lân cận để bảo đảm an ninh biên giới; kết nối cộng đồng dân tộc thiểu số và dân cư bản địa cùng tham gia với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, giúp tạo dựng sinh kế và an cư lạc nghiệp cho dân số vùng biên cương, góp phần củng cố hàng rào an ninh biên giới.

Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với tỉnh Lạng Sơn nghiên cứu xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phù hợp huy động, sử dụng có hiệu quả các

nguồn lực để thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

a) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân được biết, hiểu và thống nhất về nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách, đề án và các văn bản để triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp đã xác định trong kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ hằng năm đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vương mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
A	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**					
I	**GIAO THÔNG**					
1	Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Đồng Đăng	Thành phố Lạng Sơn; các huyện: Cao Lộc, Chi Lăng, Hữu Lũng				Thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng và kế hoạch đầu tư của Bộ GTVT
2	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng	Huyện Chi Lăng, Cao Lộc, Văn Lãng, Thành phố Lạng Sơn				
3	Dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, QL.4B	Các huyện Đình Lập, Lộc Bình				
4	Dự án cải tạo nâng cấp QL.3B đoạn Km0 - Km61 (Cửa khẩu Nà Nưa - Yến Lạc) địa phần tỉnh Lạng Sơn	Huyện Tràng Định				

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
5	Dự án cải tạo nâng cấp QL.31 Hữu Sản - Bản Chắt (đoạn Km100 - Km161)	Huyện Đình Lập				
6	Dự án cải tạo, nâng cấp QL.4B (đoạn Km3+700 đến Km18)	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình; thành phố Lạng Sơn				
7	Tuyến tránh thị trấn Na Sầm, Cầu Na Sầm và đoạn tránh đèo Bó Củng trên QL.4A	Huyện Văn Lãng				
8	Dự án Đường Tuần tra biên giới/QK1	Các huyện: Tràng Định, Văn Lãng				
9	Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	Các huyện: Văn Lãng, Tràng Định				
10	Đường tránh thị trấn Na Dương, đường tránh thị trấn Đình Lập	Các huyện: Lộc Bình, Đình Lập				
11	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến QL.1B đoạn qua địa phận tỉnh Lạng Sơn	Các huyện: Cao Lộc, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn				

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
II	**HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN**					
1	Trạm biến áp 500kV Lạng Sơn	Huyện Đình Lập				Thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Đường dây 500kV Lạng Sơn - Rẽ Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên	Huyện Đình Lập				
3	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc				
4	Trạm biến áp 220 kV Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng				
5	Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 1	Huyện Đình Lập				
6	Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 2	Huyện Lộc Bình				
7	Đường dây 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn	Thành phố. Lạng Sơn, các huyện: Cao Lộc, Chi Lăng, Hữu Hững				
8	Đường dây 220 kV Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	Huyện Chi Lăng				

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
9	Đường dây 220 kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	Huyện Đình Lập, Lộc Bình, Chi Lăng				
10	Đường dây 220 kV Lạng Sơn 2 - Lạng Sơn 1	Huyện Đình Lập, Lộc Bình				
11	Đường dây 220 kV Bắc Giang 1 - Lạng Sơn 1	Huyện Đình Lập				
12	Đường dây 220 kV Cao Bằng - Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc, Văn Lãng, Tràng Định				
13	Đường dây 220 kV Đồng Mỏ - Sơn Động	Huyện Chi Lăng				
III	**THỦY LỢI**					
1	Hồ chứa nước Bản Lải	Huyện Đình Lập, Lộc Bình				Thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng và kế hoạch đầu tư của Bộ, ngành Trung ương
2	Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng	Thành phố Lạng Sơn, huyện Lộc Bình				
3	Kè chống sạt lở bờ sông Bắc Khê	Huyện Tràng Định				

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
IV	**VĂN HÓA - XÃ HỘI**					
	Tôn tạo khu di tích khởi nghĩa Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	Thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng và kế hoạch đầu tư của Bộ, ngành Trung ương
B	**DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA TỈNH**					
I	**GIAO THÔNG**					
1	Đường giao thông kết nối QL.4B đến QL.18	Huyện Đình Lập	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
2	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối KCN Hữu Lũng với QL.31 - Cảng Mỹ An (ĐT.245B)	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	
3	Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
4	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch)	Huyện Bình Gia	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	
5	Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn	Huyện Bình Gia, Văn Quan, Đình Lập	X		Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	
6	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng xanh thích ứng với BĐKH cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số - tỉnh Lạng Sơn"	Huyện Hữu Lũng, Cao Lộc, Bắc Sơn và Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	
7	Nâng cấp, cải tạo đường Bình Gia - Thất Khê (ĐT.226)	Huyện Bình Gia, Tràng Định		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
8	Đường Hoà Thắng - Phố Vị - Hoà Sơn - Hoà Lạc, (ĐT.245)	Huyện Hữu Lũng		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
9	Đường Đồng Bục - Hữu Kiên - Đồng Mỏ (ĐT.250)	Chi Lăng - Lộc Bình		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
10	Nâng cấp, cải tạo nâng cấp đường Na Sầm - Hưng Đạo (ĐT.231)	Các huyện: Bình Gia, Văn Lãng		X	Vốn ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
11	Đường nối từ xã Hữu Lễ, huyện Văn Quan đến xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng	Các huyện: Hữu Lũng, Văn Quan		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
12	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (ĐH.28)	Huyện Cao Lộc	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
13	Nút giao cao tốc vào KCN Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
14	Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan	Huyện Cao Lộc	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
15	Dự án Đường Tân Tri - Nghinh Tường (ĐH.77)	Huyện Bắc Sơn	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
16	Đường tránh thị trấn Na Dương, đường tránh thị trấn Đình Lập	Các huyện: Lộc Bình, Đình Lập		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
17	Đường tránh trung tâm thành phố Lạng Sơn, kết nối từ ĐT.234 đến QL.1	Thành phố Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
18	Đường từ QL.1 đến Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, huyện Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
19	Nâng cấp đường kết nối từ ĐT.245 với tuyến ĐT.289 và khu du lịch hồ Khuôn Thần, tỉnh Bắc Giang	Huyện Hữu Lũng		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
20	Nâng cấp đường tỉnh ĐT.242, huyện Hữu Lũng kết nối với huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Huyện Hữu Lũng		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
II	**THỦY LỢI**					
	Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc, huyện Văn Lãng, Văn Quan	Các huyện: Văn Lãng, Văn Quan	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
III	**KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ**					
1	Dự án khu tái định cư và dân cư QL.4B	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	
2	Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng	Huyện Hữu Lũng	X		Vốn ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
IV	**VĂN HÓA - XÃ HỘI**					
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	
2	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử Chi Lăng	Huyện Chi Lăng		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
V	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**					
1	Xây dựng mới trường THPT tại các huyện Hữu Lũng, Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Lãng, Thành phố Lạng Sơn	huyện Hữu Lũng, Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Lãng, Thành phố Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
2	Thành lập Cơ sở giáo dục Đại học trên cơ sở trường Cao đẳng sư phạm Lạng Sơn hiện tại	Tỉnh Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
3	Đầu tư xây dựng cơ sở mới trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	Thành phố Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
VI	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**					
	Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
VII	**THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**					
	Hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Lạng Sơn	X		Vốn ngân sách Nhà nước	
VIII	**QUỐC PHÒNG, AN NINH**					
1	Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	Thành phố Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
2	Trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước	
IX	**CƠ QUAN, TRỤ SỞ**					
	Xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn		X	Vốn ngân sách Nhà nước	
X	**MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**					
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với BĐKH để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay Nhật Bản	Các huyện Chi Lăng, Bình Gia, Đình Lập, Văn Quan.	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
2	Dự án "Nâng cao năng lực thích ứng BĐKH cho hạ tầng, cải thiện môi trường phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay của AFD	Các huyện: Văn Quan, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Lãng, Tràng Định, Lộc Bình, Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	
XI	**DỰ ÁN PPP**					
1	Dự án cầu Lộc Bình số 1, Đường giao thông và Khu tái định cư xã Lục Thôn, huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Khu tái định cư và dân cư Nam Nguyễn Đình Chiểu	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	
3	Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu tái định cư và dân cư nông thôn xã Hữu Khánh	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
C	**DỰ THU HÚT ĐẦU TƯ**					
I	**GIAO THÔNG**					
1	Dự án cảng cạn Tân Thanh	Huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Cảng cạn Yên Trạch	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	Trạm dừng nghỉ Cao Lộc	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
4	Trạm dừng nghỉ Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
II	**KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT**					
1	KCN VSIP Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	KCN Đồng Bành	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	KCN Hòa Lạc	Xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
4	KCN Hữu Lũng 2	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
5	KCN Hữu Lũng 3	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
6	KCN Hữu Lũng 4	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
7	KCN Na Dương	TT. Na Dương, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
8	Khu chế xuất 1 thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
9	Khu phi thuế quan thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Thành phố. Lạng Sơn, Huyện Cao Lộc, Huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
III	**CỤM CÔNG NGHIỆP**					
1	CCN Quảng Lạc	Thành phố. Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	CCN Hợp Thành 1	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	CCN Hợp Thành 2	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
4	CCN Hồ Sơn 1	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
5	CCN Hồ Sơn 2	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
6	CCN Hòa Sơn 1	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
7	CCN Hòa Sơn 3	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
8	CCN Minh Sơn	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
9	CCN Tân Thành 3	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
10	CCN phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
11	CCN Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
12	CCN Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
13	CCN Na Dương 1	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
14	CCN Na Dương 2	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
15	CCN Na Dương 3	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
16	CCN Văn Lãng	Huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
17	CCN Bắc Sơn 2	Huyện Bắc Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
18	CCN Lộc Bình 1 (giai đoạn 1)	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
19	CCN Đình Lập	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
20	CCN Bắc Lãng	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
21	CCN Văn Lãng 2	Huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
22	CCN số 1 Kháng Chiến	Huyện Tràng Định	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
23	CCN Tân Văn	Huyện Bình Gia	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
IV	**ĐIỆN - NĂNG LƯỢNG**					
1	Nhà máy điện gió Cao Lộc	Huyện Cao Lộc,	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	Huyện Bình Gia, huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	Nhà máy điện gió Đình Lập	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
4	Nhà máy điện gió Văn Quan	Huyện Văn Quan, huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
5	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	Huyện Đình Lập, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
6	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
7	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
8	Nhà máy điện gió Chi Lăng	Huyện Chi Lăng, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
9	Nhà máy điện gió Lộc Bình	Huyện Lộc Bình, huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
10	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	Huyện Văn Quan	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
11	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
12	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
13	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiên	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
16	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
17	Nhà máy điện gió Mẫu Sơn	Huyện Cao Lộc, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
18	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	Huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
19	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
20	Nhà máy điện gió Ái Quốc	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
21	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
22	Nhà máy điện gió Lộc Bình - Phabaco	Huyện Cao Lộc, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
23	Thủy điện Bản Nhùng (Kỳ Cùng 6)	Huyện Văn Quan, huyện Văn Lãng	X		Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
24	Thủy điện Tràng Định 2	Huyện Tràng Định	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
25	Thủy điện Bắc Giang (Vằng Puộc)	Huyện Bình Gia	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
26	Thủy điện Đèo Khách	Huyện Văn Lãng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
27	Nhiệt điện Na Dương II	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
28	Điện sinh khối Lạng Sơn	Huyện Lộc Bình		X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
29	Điện sinh khối Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn		X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
V	**THƯƠNG MẠI - DU LỊCH - DỊCH VỤ**					
1	Quần thể khu du lịch sinh thái, cáp treo Mẫu Sơn	Huyện Lộc Bình, Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Khu trung tâm du lịch phía Tây Mẫu Sơn	Huyện Cao Lộc, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	Khu du lịch sinh thái và khu dân cư mới tại xã Hữu Liên, xã Yên Thịnh	xã Hữu Liên, Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
4	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In	Huyện Đình Lập	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
5	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Emer Hill	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
6	Dự án Khách sạn - sân gôn Hoàng Đồng	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
7	Khu tổ hợp dịch vụ, sân gôn, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và đô thị	Thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
8	Khu trung chuyển hàng hóa	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
9	Sân gôn chân núi Mẫu Sơn	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
10	Sân gôn Hữu Lũng 1	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
11	Sân gôn Quảng Lạc	Thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
12	Sân gôn Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
VI	**Y TẾ**					
1	Bệnh viện đa khoa tư nhân	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
VII	**KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ**					
1	Khu đô thị sinh thái Nà Chuông - Bình Cằm	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Khu đô thị mới Mai Pha	Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	Khu đô thị mới nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Mai Pha - Yên Trạch	Huyện Cao Lộc, Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
4	Khu đô thị phía Đông, thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
5	Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
6	Khu đô thị Hoàng Đồng	Thành phố Lạng Sơn	X		Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
7	Khu dân cư khối III thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc	Thị trấn Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
8	Khu đô thị mới Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
9	Khu đô thị sinh thái và dịch vụ điểm đến chân núi Mẫu Sơn	Xã Khánh Xuân, Đồng Bục, huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
10	Khu hành chính - đô thị thị trấn Đồng Đăng	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
11	Khu đô thị sinh thái Yên Trạch, huyện Cao Lộc	Xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
12	Khu đô thị sinh thái Sông Thương	Xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
13	Khu đô thị Green Garden	Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn và xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
14	Khu đô thị Mỹ Sơn	Thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
15	Khu dân cư Hồ Sơn 1	Xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
16	Khu dân cư Hồ Sơn 3	Xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
17	Khu dân cư mới tại thôn Na Hoa, xã Sơn Hà	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
18	Khu dân cư Phía Nam, thị trấn Hữu Lũng	Xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
19	Khu dân cư mới xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
20	Khu đô thị mới Đông Kinh	Khối 8, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
21	Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Kỳ Cùng, thị trấn Lộc Bình,	Huyện Lộc Bình	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

TT	Dự án dự kiến đầu tư	Địa điểm (dự kiến)	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
			2021 - 2025	2026 - 2030		
22	Khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng	Huyện Tràng Định	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
VIII	**NGHĨA TRANG**					
1	Công viên nghĩa trang	Huyện Cao Lộc	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Nghĩa trang tập trung	Huyện Chi Lăng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
3	Nghĩa trang tập trung	Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
4	Nghĩa trang tập trung	Huyện Lộc Bình,	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
IX	**THỦY LỢI, CẤP NƯỚC**					
1	Nhà máy nước Lawaco	Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng	X	X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	
2	Dự án cấp nước từ Hồ Bản Lải	Xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình		X	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	

Ghi chú:

1. Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

3. Việc đầu tư các dự án hạ tầng cấp điện (mục A, phần II) và điện - năng lượng (mục C, phần IV) phải căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục II

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN, LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Triển khai thí điểm cửa khẩu thông minh tại tuyến đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá khu vực mốc 1119 - 1120 và đường chuyên dụng hàng hoá khu vực mốc 1088/2 - 1089 thuộc cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan	Năm 2024 - 2029	
2	Nghiên cứu, hợp tác với phía Trung Quốc triển khai thực hiện mô hình "Cửa khẩu kiểu mẫu" tại cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc)	Năm 2024 - 2025	
3	Đề án Điều chỉnh phạm vi, quy mô Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Năm 2027 - 2028	
4	Đề án mở chính thức cặp cửa khẩu song phương Bình Nghi (Việt Nam) - Bình Nhi Quan (Trung Quốc), giai đoạn 2021 - 2030	Năm 2025 - 2030	
5	Đề án nâng cấp cửa khẩu song phương Chi Ma (Việt Nam) - Ái Điểm (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030	Năm 2025 - 2030	
6	Đề án nâng cấp, mở chính thức cặp cửa khẩu phụ/lối mở Bản Chắt (Việt Nam) - Bản Lạn (Trung Quốc) thành cửa khẩu song phương	Năm 2030 - 2050	
7	Đề án nhập huyện Cao Lộc vào thành phố Lạng Sơn và thành lập các phường thuộc thành phố Lạng Sơn.	Năm 2024 - 2025	
8	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030	Năm 2026 - 2028	Theo kế hoạch của Trung ương
9	Quy hoạch chung thành phố Lạng Sơn mở rộng	Năm 2024 - 2025	

Ghi chú: Tên, kinh phí xây dựng chương trình/đề án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập chương trình/đề án.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng